

Bản án số: 330/2021/DS-PT
Ngày 06 tháng 7 năm 2021
“V/v: *Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mươi

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 584/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 1565/2020/DSST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4226/2020/QĐXX-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: đường N, Phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Mai Tr, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường B1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Đường số 1, Khu phố 27, phường B3, quận B2, Thành phố Hồ

Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng Th1, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, Khu phố 12, phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có: Luật sư Lê Minh Nh và luật sư Nguyễn Tuyết Ng – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: đường M, Khu phố 12, phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng S: Ông Phạm Trường G, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường B4, thành phố B5, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường K, phường A, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Phú C (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Ngô Nữ Kim L, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, Khu phố 12, phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Nữ Kim L: Ông Phạm Trường G, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường B4, thành phố B5, tỉnh Đồng Nai.

3. Chị Nguyễn Nữ Kim Th2, sinh năm 1986 (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Nữ Thanh H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Ngọc Bích H1, sinh năm 2001 (vắng mặt)

6. Trẻ Nhữ Thiên B, sinh năm 2019. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Nhữ Thiên B: Bà Nguyễn Nữ Thanh H.

Cùng địa chỉ: đường M, Khu phố 12, phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1975 (vắng mặt)

8. Ông Đào Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

9. Ông Dương Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

10. Ông Lê Quốc V, sinh năm 1976 (vắng mặt)

11. Ông Tăng Nguyên Nguyễn K, sinh năm 1992 (vắng mặt)

12. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường M, Khu phố 12, phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th, ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Mai Tr, bà Nguyễn Thị Hồng Th1 (bà Thu do ông Nguyễn Hữu Th làm đại diện) trình bày:

Ông Nguyễn Văn H (chết năm 1991) và bà Nguyễn Thị B (chết năm 1993) là ông bà nội của các ông, bà. Ông H và bà B có 08 người con gồm: Nguyễn Văn Kh (chết), Nguyễn Văn Ch (chết), Nguyễn Văn M (chết), Nguyễn Văn Đ (chết), Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn U.

Ông Nguyễn Văn Ch (chết năm 1974) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 1976) là cha mẹ của ông, bà có tất cả 06 người con gồm: Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Thị Mai Tr, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị Hồng Th1 và Nguyễn Ngọc Th2 (chết không có vợ con).

Khi còn sống, ông bà nội có tạo lập được một phần đất ở phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1992, bà nội Nguyễn Thị B họp gia tộc để phân chia ruộng đất. Theo Biên bản họp gia tộc thuận phân ruộng của ông bà để lại ngày 19/11/1992 và Tờ tương phân ruộng đất ngày 19/11/1992, phần của ông Nguyễn Văn Ch do ông Nguyễn Hoàng S đại diện nhận có diện tích 4.004m² bao gồm 2.666m² đất ruộng và 1.338m² đất gò.

Sau khi họp thuận phân, ông Nguyễn Hoàng S đã tự ý xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S và vợ Ngô Nữ Kim L bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00555/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 06/5/2009 cho hộ ông Nguyễn Hoàng S.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00197/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 02/3/2005 cho ông Nguyễn Hoàng S và bà Ngô Nữ Kim L.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00604/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 13/5/2009 cho hộ ông Nguyễn Hoàng S.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các vấn đề sau:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00555/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 06/5/2009 cho hộ ông Nguyễn Hoàng S; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00197/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 02/3/2005 cho ông Nguyễn Hoàng S và bà Ngô Nữ Kim L; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00604/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 13/5/2009 cho hộ ông Nguyễn Hoàng S.

2. Chia thừa kế đối với phần đất 951m² và 2.286m² tọa lạc tại xã B6, huyện B7 (nay là phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 05/4/2018, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu:

1. Công nhận thừa đất số 405 Tờ bản đồ số 17 diện tích 457m² tọa lạc tại phường B3, quận B2 và thừa đất số 119 Tờ bản đồ số 233 diện tích 487,8m² tọa lạc tại Khu phố 12, phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản do ông Nguyễn Văn Ch được hưởng từ bà Nguyễn Thị B và yêu cầu được chia thừa kế phần đất này.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00199/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 02/3/2005 cho ông Nguyễn Hoàng S và bà Ngô Nữ Kim L.

Nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật.

Về giá trị quyền sử dụng đất, đồng ý theo các Biên bản định giá ngày 24/6/2020 do Hội đồng định giá xác định, không yêu cầu định giá lại.

Về giá trị xây dựng, đồng ý theo Biên bản làm việc ngày 08/7/2020, không yêu cầu định giá lại.

Về công sức đóng góp và chi phí mai táng không yêu cầu xem xét.

Về chi phí đo vẽ, định giá nguyên đơn tự nguyện chịu.

** Bị đơn ông Nguyễn Hoàng S do ông Phạm Trường G làm đại diện trình bày:*

Ông Nguyễn Hoàng S xác nhận về cha mẹ và hàng thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày.

Sau khi cha mẹ qua đời, ông S là người chăm sóc và lo cho các em ăn học nên bà nội cho riêng ông S 2.666m² đất ruộng và 1.338m² đất gò theo Tờ tương phân ruộng đất và Biên bản họp gia tộc thuận phân cùng ngày 19/11/1992. Đối với các phần đất mà nguyên đơn khởi kiện bổ sung, bị đơn không đồng ý vì đó là phần đất mà vợ chồng ông S, bà Lê khai hoang và sử dụng ổn định, không ai tranh chấp. Sau khi được phân chia, ông S đã thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận, việc cấp Giấy chứng nhận được cơ quan Nhà nước thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Do đó, ông S không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận của các đồng nguyên đơn.

Về giá trị quyền sử dụng đất, đồng ý theo các Biên bản định giá ngày 24/6/2020 do Hội đồng định giá xác định, không yêu cầu định giá lại.

Về giá trị xây dựng, đồng ý theo Biên bản làm việc ngày 08/7/2020, không yêu cầu định giá lại.

Về công sức đóng góp và chi phí mai táng không yêu cầu xem xét.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Nữ Kim L do ông Phạm Trường G làm đại diện trình bày:*

Thông nhất với lời khai và ý kiến của ông Nguyễn Hoàng S.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận B2 do ông Lại Phú C làm đại diện trình bày:*

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00199/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 02/3/2005 và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00197/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 02/3/2005 không còn vì sự cố cháy kho lưu trữ ngày 27/7/2007.

Đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận số H00555/B3 và Giấy chứng nhận H00604/B3, Ủy ban nhân dân quận B2 đã cấp đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Nữ Kim Th2, bà Nguyễn Nữ Thanh H, bà Nguyễn Ngọc Bích H1 trình bày:*

Các bà là con của ông Nguyễn Hoàng S và bà Ngô Nữ Kim L, các bà đồng ý với các ý kiến của cha mẹ và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Các bà xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn C, ông Đào Văn H, ông Dương Thanh T, ông Lê Quốc V, ông Tăng Nguyên Nguyễn K, ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Các ông là người thuê đất của ông Nguyễn Hoàng S, đối với tranh chấp này, các ông không có ý kiến.

Các ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Người làm chứng bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị A trình bày:*

Ngày 19/11/1992, mẹ của các ông, bà là bà Nguyễn Thị B có làm giấy tương phân ruộng đất cho các con gồm ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn Ch (đã chết), ông Nguyễn Văn M (đã chết), ông Nguyễn Văn Đ (đã chết), bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị M1, ông Nguyễn Văn U. Do ông Ch đã chết nên ông S là anh cả thay mặt các em nhận phần của ông Ch. Do đó, những người con của ông Ch được thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật.

Các ông, bà xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Người làm chứng ông Ngô Văn C trình bày:*

Phần đất mà các đương sự đang tranh chấp được bà Nguyễn Thị B cho riêng ông Nguyễn Hoàng S vì ông S là anh lớn có công nuôi năm người em ăn học. Về việc làm giấy, Tờ tương phân ruộng đất được lập trước, Biên bản họp gia tộc thuận phân ruộng của ông bà để lại được lập sau nhưng đều cùng ngày 19/11/1992

Ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1565/2020/DSST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th, ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Mai Tr, bà Nguyễn Thị Hồng Th1 về việc chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn Ch.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th, ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Mai Tr, bà Nguyễn Thị Hồng Th1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00555/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 06/5/2009 cho hộ ông Nguyễn Hoàng S; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00197/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 02/3/2005 cho ông Nguyễn Hoàng S, bà Ngô Nữ Kim L; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00604/B3 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 13/5/2009 cho hộ ông Nguyễn Hoàng S; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00199/BHH A do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 02/3/2005 cho ông Nguyễn Hoàng S, bà Ngô Nữ Kim L.

Án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định giá, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/10/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th nhân danh cá nhân và là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn luật sư cho rằng theo Biên bản họp gia tộc thuận phân ruộng của ông bà để lại ngày 19/11/1992 đã có đầy đủ cơ sở chứng minh ý chí của bà B khi phân chia ruộng đất là phân chia cho các con của bà, trong đó có ông Nguyễn Văn Ch là cha của các nguyên đơn và bị đơn. Thứ tự phân chia các con từ lớn đến nhỏ, nhưng vị trí ông Ch là điền ông Nguyễn Hoàng S (*ghi rõ là con ông Nguyễn Văn Ch đã chết*), ông Đ đã chết nên điền tên Nguyễn Đình M (*ghi rõ là con ông Nguyễn Văn Đ đã chết*). Mặt khác lời khai của những người làm chứng là cô, chú của các nguyên đơn, bị đơn và cũng là người có mặt tại cuộc họp gia tộc đó đều thừa nhận cho các con bà B, ông S chỉ nhận thay cho các em mình. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, xác định tài sản trên là của ông Nguyễn Văn Ch và chia thừa kế cho các con của ông Ch. Nhưng do các nguyên đơn mong muốn được nhận tài sản bằng hiện vật nên đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

- Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về chấp hành pháp luật cho thấy người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đúng pháp luật.

Theo nội dung vụ án cho thấy bà B phân chia tờ tương phân cho thấy bà B chia cho cá nhân ông S chứ không phải chia cho ông Ch. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr và Nguyễn Thị Hồng Th1 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trinh và bà Thu theo luật định. Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là không có căn cứ bởi các lẽ sau:

[1] Ông Nguyễn Văn H (*chết năm 1991*) và bà Nguyễn Thị B (*chết năm 1993*), ông bà có tất cả 08 người con gồm: Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn U. Ngày 19/11/1992 tại biên bản họp gia tộc, bà Nguyễn Thị B đã phân chia đất cho các con, tại thời điểm phân chia trong 08 người con thì có 02 người đã chết đó là ông Nguyễn Văn Ch và ông Nguyễn Văn Đ. Trong tờ tương phân chia đất đối với những người con đã chết thì bà B chia cho người con cả và mở ngoặc người được chia là con của người đã chết. Cụ thể bà B chia cho ông Nguyễn Hoàng S (*con ông Nguyễn Văn Ch đã chết*), chia cho ông Nguyễn Đình M (*con ông Nguyễn Văn Đ đã chết*). Với cách ghi trong tờ tương phân chia có căn cứ để hiểu ông Nguyễn Hoàng S nhận thay cho phần cha mình là ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Đình M nhận thay cho phần ông Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người con của bà B được chia trong tờ tương phân cũng thừa nhận mẹ của ông bà chia cho các con, anh chị nào đã chết thì con nhận thay.

[2] Việc Tòa án cấp sơ thẩm lập luận bà B chia đất cho cá nhân của ông S không phải chia cho ông Ch và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn là không phù hợp với chứng cứ khách quan của vụ án.

Như đã phân tích ở trên diện tích 4.004m² bao gồm 2.666m² đất ruộng và 1.338m² đất gò mà bà B chia trong tờ tương phân ngày 19/11/1992 là chia cho ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Hoàng S chỉ là người đứng tên nhận thay cho cha mình, không phải bà B chia cho ông Nguyễn Hoàng S, do đó toàn bộ diện tích đất trên là di sản của ông Nguyễn Văn Ch để lại, nó được chia đều cho các con ông Ch. Việc ông S tự kê khai và cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S và bà Ngô Nữ Kim L (*vợ ông S*) là không đúng với nội dung tờ tương phân mà bà B và các con bà B đã ký.

[3] Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy diện tích đất trên đã được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S và bà Lê (*vợ ông S*) và hiện tại diện tích đất trên ông S đã ký hợp đồng cho người khác thuê mặt bằng nên cần đưa họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và

nghĩa vụ liên quan. Mặt khác khi đã xác định diện tích đất trên là của ông Ch nên việc chia diện tích đất trên cho các con ông Ch bằng hiện vật hay bằng giá trị quyền sử dụng đất cũng cần phải đo đạc, định giá theo một trình tự tố tụng. Với những nội dung đặt ra như đã nêu trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục mà cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Từ những phân tích trên cho thấy việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ y án sơ thẩm là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1565/2020/DSST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị Mai Tr, ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị Hồng Th1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Th 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0092790 ngày 13/10/2020, hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân H 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0092791 ngày 13/10/2020, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mai Tr 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0092792 ngày 13/10/2020 và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Th1 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0092793 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn